

Hà Nam, ngày 03 tháng 3 năm 2025

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung ứng trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm.

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá một số mặt hàng: Trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm vật tư, vật tư tiêu hao phục vụ chuyên môn năm 2025 để tham khảo, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức việc đấu thầu theo quy định; Trung tâm kính đề nghị Quý Công ty, các nhà cung ứng trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm vật tư tại Việt Nam có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá đối với các danh mục theo yêu cầu, cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, phường Châu Cầu, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Tổ chức - Hành chính thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Điện thoại liên hệ: 02263.852.698 (trong giờ hành chính)

Hoặc gửi bản báo giá scan qua email: baogiacdchanam@gmail.com

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong vòng 11 ngày kể từ lúc đăng tải thành công trên hệ thống mạng.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 180 ngày kể từ ngày báo giá.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

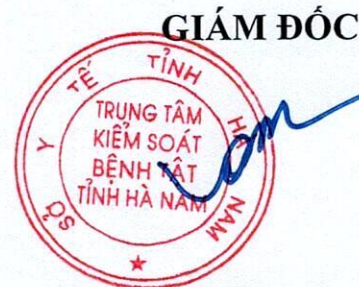
1. Danh mục hoá chất, vật tư: *Phụ lục kèm theo.*

2. Báo giá đã bao gồm thuế và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Trung tâm rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty, các nhà cung cấp. /.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Khoa TT-GDSK; (để đăng tin)
- Lưu: Tổ chào giá, TMS.



Vũ Kim

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ, HOÁ CHẤT, SINH PHẨM, MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**  
(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 03/3/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Phân loại
<b>A</b>	<b>DANH MỤC HOÁ CHẤT</b>					
<b>I</b>	<b>DANH MỤC HOÁ CHẤT KHÔNG PHÂN LOẠI</b>					
1	A xít nitric ( HNO <sub>3</sub> )	Nồng độ ≥ 65%, có COA đi kèm Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000 ml	Chai	03	Không phân loại
2	1,10.phenantrolin	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 10g	Lọ	01	
3	4-aminobenzen sulfonamid	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01	
4	Acid acetic	Nồng độ ≥ 17 mol/l, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	01	
5	Amoni acetate	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	01	
6	Amoni sắt (II) sunfat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	01	
7	Axit clohydric	Loại đậm đặc Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	01	
8	Axit octophosphoric	Dung dịch đậm đặc (nồng độ ≥ 85%), Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích, Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	01	
9	Barium clorua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 1.000g	Hộp	01	
10	Chuẩn bạc nitrat	Nồng độ 0,1N, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	01	
11	Chuẩn gốc Amoni	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01	
12	Chuẩn gốc Fe <sup>3+</sup>	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01	
13	Chuẩn gốc mangan	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01	
14	Chuẩn gốc nitrat	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01	



15	Chuẩn gốc Nitrit	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01
16	Chuẩn gốc sulfate	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01
17	Dinatri EDTA	Dạng bột kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Lọ	01
18	Dinatri hydro phosphat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	01
19	Formaldehyde	Nồng độ $\geq 30\%$ , Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	01
20	Formazin 0,1NTU	Độ đục 0,1 NTU, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 100ml	Chai	01
21	Formazin 20 NTU	Độ đục 20 NTU, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 100ml	Chai	01
22	Formazin 200NTU	Độ đục 200 NTU, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 100ml	Chai	01
23	Formazin 800NTU	Độ đục 800 NTU, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 100ml	Chai	01
24	Hidroxyamoni clorua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Hộp	01
25	Kali hydro phosphat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Lọ	01
26	Kali iodat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01
27	Kali iodua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Lọ	01
28	N(1 naphtyl) 1.2 diamonietan dihydroclorua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 5g	Lọ	01
29	N,N-dietyl-1,4- Phenylendiamin sunfat (DPD)	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01
30	Natri diclorosoxyanurat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01

Không  
phân loại

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

31	Natri nitrua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 25g	Lọ	01
32	Natri sunfit	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	01
33	Trietanolamin	Dạng dịch nhớt, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250ml	Lọ	01
34	Water deion	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong kỹ thuật phân tích HPLC Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 4L	Chai	05
35	Axit sunphuric	Loại đậm đặc Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	02
36	Chuẩn kali permanganat	Nồng độ 0,1N, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	02
37	Coban (II) clorua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 25g	Lọ	02
38	Dung dịch chuẩn Na <sub>2</sub> EDTA	Nồng độ 0,01mol/L, Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	02
39	Kali hydroxyt	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	02
40	Natri nitrosopentaxyano sắt (III)	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 25g	Lọ	02
41	Natri salixylat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Lọ	02
42	Trinatri xytrat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	02
43	Kali hexacloroplatinat(IV)	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 1g	Lọ	04
44	Amoni clorua	Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	500g/Hộp	Hộp	01
45	Amoniac	Dung dịch đậm đặc( trên 25%) Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	1000ml/Chai	Chai	01
46	Chuẩn gốc Amoni	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01

Không  
phân loại

47	Dinatri magie EDTA	Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	50g/Lọ	Lọ	01	Không phân loại
48	Etanol	Dung dịch đậm đặc( trên 96%) Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	1000ml/Chai	Chai	01	
49	Formazin 1000NTU	Dung dịch 1000NTU Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	500ml/ Chai	Chai	01	
50	Natri diclorosoxyanurat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01	
51	Natri hydroxyd	Dạng bột hoặc viên tròn, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	500g/Hộp	Hộp	01	
52	Natri Oxalat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	250g/Lọ	Lọ	01	
53	Màng lọc Cellulose Nitrate	Tiệt trùng, kẻ sọc, 0,45 µm; Ø 47 mm Có Certificate of Analysis ( COA) đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 chiếc/ Hộp	Hộp	06	
54	Giấy đo pH	Cuộn (4,8 m) với thang màu pH 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 12 - 14 Ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như vi sinh, sinh học phân tử, nghiên cứu và sản xuất dược phẩm, chẩn đoán y học, sắc ký, xử lý nước thải, phân tích kiểm nghiệm..., Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 01 cuộn	Hộp	01	
<b>II DANH MỤC HOÁ CHẤT PHÂN LOẠI</b>						
1	Plate Count Agar ( PCA)	Độ tan: 22.5 g/l, pH: 7.0 ở 25 độ C (sau khi khử trùng ướ) Có CoA đi kèm. Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	TTBYT Loại A
2	Thạch Sabouraud Glucose Agar	Giá trị pH: 5.5 – 5.7 (47 g/l, H <sub>2</sub> O, 25 °C) (sau tiệt trùng ướ) Độ tan: 47 g/l; 2% glucose Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
3	Buffered Peptone Water	pH: 6.8 – 7.2; 2% glucose Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
4	Chủng chuẩn E.coli ATCC® 25922™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	

5	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC® 29212™	Dạng đông khô không quá 04.đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	TTBYT Loại A
6	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATTC ® 27853™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	
7	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC ® 6538™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	
8	Đĩa giấy Oxydase	Cytochrome oxidase P.aeruginosa ATCC : (+) E.coli ATCC : (-) Đường kính đĩa 6mm; có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	20 đĩa/ Lọ	Lọ	05	
9	Oxy già 3%	Nồng độ: 3%, CTHH: H202 Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	20 ml/ Lọ	Lọ	01	
<b>B</b>	<b>DANH MỤC SINH PHẨM HIV</b>					
1	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 1)	Phát hiện đồng thời cả kháng thể HIV 1/2, phát hiện được tất cả các phân nhóm của HIV-1 Độ nhạy ≥ 99,8/ %, Độ đặc hiệu: ≥ 99,5 %. Độ nhạy và độ đặc hiệu phải dựa vào kết quả đánh giá Quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế có uy tín khác (WHO, CDC, NRL...) Được Bộ Y tế cho phép sử dụng: Có giấy chứng nhận lưu hành của Bộ Y tế và phân loại trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro thuộc loại C, D theo TT05/2022 Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	100 test/gói	Test	700	TTBYT Loại D

2	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 2)	<p>Được BYT cấp phép lưu hành và phân loại trang thiết bị chẩn đoán invitro thuộc loại C,D theo TT05/2022</p> <p>Sinh phẩm phải phát hiện HIV 1/2 và tất cả các phân nhóm của HIV-1</p> <p>Cho kết quả phân biệt rõ ràng HIV 1 và HIV 2</p> <p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <p>Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.</p> <p>Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận</p>	30 test/ hộp	Test	90	TTBYT Loại D
3	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 3)	<p>Được Bộ Y tế cấp phép lưu hành và phân loại trang thiết bị C, D theo thông tư 05/2022. Loại sinh phẩm xét nghiệm HIV nhanh thuộc thế hệ thứ 3, có thể phát hiện kháng thể HIV 1 và 2. Khác với sinh phẩm số 1 và số 2</p> <p>Độ nhạy: <math>\geq 99,5\%</math>, Độ đặc hiệu: <math>\geq 99\%</math>. Phải được đánh giá quốc gia hoặc các tổ chức ...</p> <p>Xét nghiệm định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV -1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV. Độ nhạy: 99.47%; Độ đặc hiệu: 99.87%</p> <p>Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận</p>	40 test/hộp	Test	80	
<b>C DANH MỤC SINH PHẨM, MÔI TRƯỜNG</b>						
1	Dengue IgM Elisa	<p>Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310</p> <p>Được phép lưu hành tại Việt Nam</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận</p>	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	Không phân loại
2	Rubella IgM Elisa	<p>Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310</p> <p>Được phép lưu hành tại Việt Nam</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận</p>	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	



3	Sởi IgM Elisa	<p>Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310</p> <p>Được phép lưu hành tại Việt Nam</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận</p>	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	Không phân loại
4	Dengue NS1 Ag Test	<p>Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên NS1 của virus sốt xuất huyết trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần bộ kit gồm: 20 cassette gói giấy bạc, pipette và chất hút âm; 1 ống dung dịch đệm; 1 tấm đệm mẫu</p> <p>Độ nhạy tương đối: 97.2%; Độ đặc hiệu tương đối: 99.5%; Độ chính xác: 98.8%</p> <p>Bảo quản: 2-30°C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.</p> <p>Được phép lưu hành tại Việt Nam</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận</p>	25 test/ hộp	Test	50	TTBYT Loại C
5	Influenza A/B Test	<p>Độ nhạy lâm sàng: <math>\geq 97.44\%</math> với cúm typ A; <math>\geq 90.63\%</math> với cúm typ B so với PCR; - Độ đặc hiệu lâm sàng: 100.00% với cúm typ A; <math>\geq 98.82\%</math> với cúm typ B so với PCR</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận</p>	25 test/ hộp	Test	50	
6	Ag SARS-CoV-2	<p>Phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu dịch họng, tỵ hầu ở người.</p> <p>Độ nhạy <math>\geq 95\%</math> và độ đặc hiệu <math>\geq 95\%</math>.</p> <p>Được phép lưu hành tại Việt Nam</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận</p>	25 test/ hộp	Test	50	TTBYT Loại D
7	V. cholerae As Inaba	<p>Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba).</p> <p>Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận</p>	2 ml/ Lọ	Lọ	01	TTBYT Loại A
8	V. cholerae As Ogawa	<p>Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Ogawa).</p> <p>Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận</p>	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
9	Salmonella As Vi	<p>Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White.</p> <p>Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p> <p>Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận</p>	2 ml/ Lọ	Lọ	01	



10	Salmonella As 02	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
11	Salmonella As O 4	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: Lọ/2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
12	Salmonella As O7	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
13	Salmonella As O8	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
14	Shigella As dysenteriae poly A	Kháng huyết thanh định danh Shigella dysenteriae. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
15	Shigella As Flexneri poly B	Kháng huyết thanh định danh Shigella flexneri. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
16	Shigella As boydii poly C	Kháng huyết thanh định danh Shigella boydii. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
17	Shigella As sonnei poly D	Kháng huyết thanh định danh Shigella sonnei. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01

TTBYT  
Loại A

H  
AM  
AT  
AT  
NAM

18	Escherichia coli As poly 1	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)( Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 1)và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	TTBYT Loại A
19	Escherichia coli As poly 2	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)( Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 2)và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
20	Escherichia coli As poly 3	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)( Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 3)và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
21	Escherichia coli As poly 4	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)( Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 4)và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
22	BHI broth	Ph :7.2 - 7.6 ở 25 độ C sau khi hấp tiệt trùng ; Độ hòa tan: 37 g/l, H <sub>2</sub> O, 37 °C, có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
23	Endo agar	Ph: 7.2 - 7.6 ở 25 độ C sau khi hấp tiệt trùng Độ hòa tan: 39 g/l. Có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
<b>D DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO</b>						
<b>I DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO KHÔNG PHÂN LOẠI</b>						
1	Bình định mức 10 ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	10	Không phân loại
2	Bình định mức 100ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	20	
3	Bình định mức 20ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	10	
4	Bình định mức 250ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	05	

H  
N

5	Bình định mức 25ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	10	Không phân loại
6	Bình định mức 50ml	Loại bình định mức chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	20	
7	Bình tam giác dung tích 250ml	Làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao, Cổ rộng giúp đổ hóa chất vào bình và vệ sinh dễ dàng hơn Hạn sử dụng: Không áp dụng	10 chiếc/ hộp	Hộp	05	
8	Bộ Lọc Vi Sinh đơn 250 ml	Làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt bao gồm: Phễu lọc thể tích 300 ml: 01 cái Nắp đậy bằng nhựa: 01 cái Cổ nối bình hứng có màng xốp, nhám trong: 01 cái Kẹp được làm bằng hợp kim nhôm: 01 cái Bình tam giác 250 ml nhám ngoài: 01 cái Kích thước đóng gói: Chiều ngang 30cm ,chiều dài 35cm Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 bộ/ hộp	Hộp	10	
9	Bơm hút chân không	Bơm chân không không dầu Độ chân không tối đa: 680 MM Hg, Tốc độ hút tối đa: 22/18 (lit/phút). Công suất: 0.1HP. Độ ồn: 58dBA Trọng lượng: 4kg. Kích thước: 200 x 150 x 190mm. Nguồn điện: 220V/50Hz Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	02	
10	Buret	Loại chia vạch nhỏ 0,02ml làm bằng thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	03	
11	Chai Thủy tinh có chia vạch, dung tích 500ml	Chai thủy tinh đung trung tính Dung tích: 500 mL Chất liệu: thủy tinh borosilicate Vạch chia chính xác trên thành chai trung tính theo dung tích Nắp chai trung tính làm hoàn toàn bằng nhựa PP chịu nhiệt với roan nắp chai chống rỉ nước. Chai trung tính có thể hấp tiệt trùng được (cả phần thủy tinh và nắp nhựa). Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	200	

12	Chai Thủy tinh dung tích 1000ml	Chai thủy tinh đựng trung tính Dung tích: 1000 mL Chất liệu: thủy tinh borosilicate Vạch chia chính xác trên thành chai trung tính theo dung tích Nắp chai trung tính làm hoàn toàn bằng nhựa PP chịu nhiệt với roan nắp chai chống rỉ nước. Chai trung tính có thể hấp tiệt trùng được (cả phần thủy tinh và nắp nhựa). Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	100	Không phân loại
13	Cốc lọc thủy tinh vi sinh có chia vạch	Làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt độ cao ; thể tích 300ml Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	10	
14	Giấy lọc	Đường kính bản từ 10cm, đường kính lỗ tối đa 2 micromet Hạn sử dụng: còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 100 bản	Hộp	05	
15	Pipet bầu dung tích 10ml	Loại pipet chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	10	
16	Pipet bầu dung tích 20ml	Loại pipet chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	05	
17	Pipet bầu dung tích 25ml	Loại pipet chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	05	
18	Pipet bầu dung tích 5ml	Loại pipet chính xác cấp A được làm bằng chất liệu thủy tinh chịu nhiệt Hạn sử dụng: Không áp dụng	01 chiếc/ hộp	Hộp	10	
19	Viên khử khuẩn nhanh	Thành phần: Natri Dichloroisocyanutrale Dạng bột 50%, Adipic acid 22.5%, các thành phần khác 27.5% Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 viên/ Hộp	Hộp	10	
20	Hộp an toàn	Giấy duplex kháng thủng, Kích thước: 150 x 120 x 270mm Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	70	
21	Băng keo chỉ thị nhiệt	ISO 9001:2008; ISO 13485:2016, kích thước :12mmx55m Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	Cuộn	Cuộn	02	
22	Gel siêu âm	Cảm quan trong, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước. Độ PH (dung dịch 20% trong nước): 4,0-8,0. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	250 ml/chai	chai	70	
23	Giấy in nhiệt siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Cuộn	Cuộn	35	
24	Kim trích Y tế	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần. HSD 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp	Chiếc	2.400	
25	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết dùng cho máy One Touch Verio. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp	Que	2.400	

26	Đường glucose	Dạng bột, màu trắng, tan trong nước, loại 500g/túi. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Túi	kg	30	Không phân loại
27	Mỏ vịt dùng 1 lần	Được tiệt trùng, đạt các tiêu chuẩn CE; Kích cỡ: size M. HSD: $\geq$ 12 tháng kể từ khi nhận	20 chiếc/túi	chiếc	1.550	
28	Acid acetic 3%	Độ tinh khiết 99%, dạng lỏng, màu trắng. HSD: $\geq$ 12 tháng kể từ khi nhận	500ml/chai	chai	5	
29	Dung dịch I ốt hữu cơ	Dung dịch Povidine 10% với thành phần chính povidon iod, là thuốc sát khuẩn, vết trầy và vết bỏng nhỏ, sát khuẩn da trước khi phẫu thuật và giúp giảm các vi khuẩn có khả năng gây nhiễm trùng. Hoạt chất: Povidon iod 10g Tá dược: Dinatri hydrophosphat, acid citric, natri hydroxyd, glycerin, nonoxynol 9, nước tinh khiết vừa đủ 100 ml. HSD: $\geq$ 12 tháng kể từ khi nhận	500ml/chai	chai	31	
30	Viên khử khuẩn nhanh	Thành phần: Natri Dichloroisocyanutrale Dạng bột 50%, Adipic acid 22.5%, các thành phần khác 27.5%. HSD: $\geq$ 12 tháng kể từ khi nhận	100 viên/hộp	hộp	6	
31	Săng y tế	Được làm từ vải không dệt, tiệt trùng; mịn màng, mềm mại. Dùng một lần: kích thước săng không lỗ 80cm x 120 cm. HSD: $\geq$ 12 tháng kể từ khi nhận	Chiếc	chiếc/ gói	28	
32	Bộ dụng cụ khám nha khoa 4 món	1 gương, 1 gắp, 1 thám trâm, Khay hạt đậu: INOX KT 17cm x2cm x22 cm	Bộ (04 mục)	bộ	10	
<b>II DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO PHÂN LOẠI</b>						
1	Đĩa peptri vô khuẩn dùng một lần	Tiệt trùng bằng EO $\varnothing$ 90 mm , cao 15mm. Đóng gói chân không. Chất liệu B117Polystyrene Hạn sử dụng: Không áp dụng	Thùng 500 chiếc	Thùng	02	TTBYT Loại A
2	Que cây nhựa vô trùng dùng 1 lần 10 $\mu$ l	Que cây vi sinh đầu tròn 10ul đã tiệt trùng bằng tia gamma; chất liệu nhựa PE Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	250	
3	Cồn y tế	Cồn Ethanol 70 độ, không màu trong suốt, có mùi cồn đặc trưng hoặc trong đương Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500 ml	Chai	81	
4	Cồn 90 độ (Ethanol)	Cồn 90 % ethanol, không màu Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	1000ml/Chai	Chai	03	
5	Bông y tế	Được làm từ 100% bông tự nhiên. Khả năng thấm hút cao và nhanh Hạn sử dụng: Còn 18 tháng kể từ ngày nhận	Bịch 1kg	Bịch	24	
6	Găng tay y tế	Găng tay y tế dùng một lần, không bột, chất liệu cao su latex, màu trắng, size M Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 50 đôi	Hộp	64	
7	Khẩu trang y tế	3 lớp: Lớp 1: Vải không dệt 100% PE Lớp 2: Vải kháng khuẩn Melt Blown 100% PP Lớp 3: Vải không dệt 100% PE Tiêu chuẩn: QCVN 08:2012/BLĐTBXH Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	50 chiếc/ Hộp	Hộp	93	

8	Tube nhựa	Chất liệu: nhựa PP, không chống đông, thể tích 5ml, có nắp cao su nút chặt, kín có hạt serum; nắp cao su nút kín. Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500 chiếc/ túi	Chiếc	700	TTBYT Loại A	
9	Đầu côn 10µl	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05		
10	Đầu côn 1000µl	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05		
11	Đầu côn 200µl	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05		
12	Môi trường vận chuyển mẫu bệnh phẩm vi khuẩn	Thành phần: Disodium hydrogen phosphate 1,1mg/L Sodium thioglycollate 1,5mg/L Sodium chloride 5,0mg/L Calcium chloride 0,09mg/L Agar 5,6mg/L pH 8,4 ± 2; Bảo quản ở nhiệt độ ≥ 25 độ C Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Túi 20 ống	Túi	02		
13	Môi trường vận chuyển mẫu bệnh phẩm vi rút	Thành phần: BSA 0.75g/L. vancomycin 20mg/L. Gentamicin 50mg/ml 250µg/mL Amphotericin B (Fungizone) Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Ống	Ống	50		
14	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Chủng loại: Transport Swab; Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bông, que gỗ; cân nặng 5g; kích thước 12x150mm; độ dày 0,2mm; màu sắc ống trong suốt, nắp màu đỏ hoặc xanh; sức chứa của mẫu vật 0,15ml; đóng gói tiệt trùng từng chiếc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	100		
15	Trang phục chống dịch cấp độ 2	Bộ quần áo liền, có mũ; kính bảo hộ; găng tay y tế; bao giày; khẩu trang y tế - Chất liệu: vải không dệt PPE Membrane định lượng 60 g/m <sup>2</sup> - Màu sắc: trắng hoặc xanh. HSD: 24 tháng kể từ ngày nhận	Bộ	Bộ	70		
16	Đè lưới gỗ vô khuẩn dùng 1 lần	Gỗ tiệt trùng, Kích thước 20 cm x 2 cm x 0,15 cm	Hộp (100 chiếc)	Hộp	50		
17	Bơm kim tiêm	Thể tích 5ml, chất liệu nhựa PP Hạn sử dụng : Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 chiếc/ hộp	Hộp	09		TTBYT Loại B

H  
M  
AT  
AT  
IAM

<b>E DANH MỤC HOÁ CHẤT DIỆT CÔN TRÙNG</b>						
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng</b>	<b>Quy cách đóng gói</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Phân loại</b>
1	Thuốc diệt muỗi Permethrin	Thành phần chính: Permethrin .....50%, chất nhũ dầu Quy cách: chai 1 lít (1000ml) Công dụng: diệt muỗi, côn trùng (gián, kiến, ruồi, sâu, bọ chét, ve...). HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1 lít	Chai	50	Không phân loại
2	Hóa chất diệt bọ gậy, lăng quăng	Hoạt chất: Temephos 1%. Quy cách: gói 0,5kg (500g) Công dụng: diệt bọ gậy, lăng quăng tại cống rãnh, nguồn nước thải, lọ hoa, bể cảnh,... HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	500gr/gói	Gói	60	
3	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	70% tt/tt Ethanol; 0,5% tt/tt Chlorhexidine Digluconate; Hàm lượng phụ gia vừa đủ HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	0,5 lít/chai	Chai	40	

